

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DSST
Ngày: 06- 3 - 2023
V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bạch Linh.
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-DS ngày 07/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950, địa chỉ: Số 107/1, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 61, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1963; địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

2. Anh Trần Văn M1, sinh năm 1994; địa chỉ: số 223 ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (có mặt).

3. Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm: 1995, địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Hùng D, sinh năm: 1986, địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

5. Chị Trần Thị Ái L, sinh năm: 1986; địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1984 địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

7. Chị Lê Thị Ch, sinh năm: 1986; địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

8. Cháu Lê Khánh Đ; sinh năm: 2006, địa chỉ: số 223, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

* Đại diện hợp pháp của cháu Đ là anh Nguyễn Hoàng S và chị Lê Thị Ch là cha mẹ của cháu Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T cùng trình bày: Ông Đ, bà T và bà C là con của cụ Nguyễn Thành D (chết năm 2002) và cụ Võ Thị Ch (chết năm 2011). Cha mẹ có 03 người con gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C, ngoài ra không có con chung, con riêng nào khác. Cha mẹ của cụ D, cụ Ch đã chết từ lâu. Sinh thời cha mẹ tạo lập được số tài sản là diện tích đất 4.500m² đất trồng lúa. Cha, mẹ chết không để lại di chúc nhưng thời điểm này do em gái út là Nguyễn Thị C có hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn nên anh em thống nhất để cho bà C được tạm thời sử dụng diện tích đất 4.500m² đất lúa thuộc thửa số 211a, tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp để làm ăn sinh sống nên tạm thời chưa chia thừa kế. Hiện nay cuộc sống gia đình của bà C không còn khó khăn nên anh em yêu cầu thỏa thuận để chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại nhưng bà C không đồng ý mà yêu cầu nếu muốn nhận thừa kế thì mỗi người phải đưa cho bà C 10 chỉ vàng nên anh em không đồng ý. Nay ông Đ và bà T yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất của cha mẹ để lại qua đo đạc thực tế 4.278,6m² thành 03 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng một phần tương đương 1.426,2m². Về vị trí đất ông Don yêu cầu được chia tính từ đầu trong đo ra bỏ căn nhà của anh Sang cất giao cho bà C đến rồi cắt 1.426,2m² đất cho ông Đ, kể đất ông Đ là tới 1.426,2m² đất cho bà T rồi tiếp tục giao cho bà C phần đất còn lại. Cụ thể theo sơ đồ đo đạc ngày 09/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ ký đất đai huyện Lấp Vò thì ông Don yêu cầu được chia phần diện tích đất là 1.426,2m², mục đích sử dụng là đất lúa trong phạm vi các mốc M6, N, D, H về M6. Bà T yêu cầu được chia phần diện tích đất là 1.426,2m², mục đích sử dụng là đất lúa trong phạm vi các mốc D, H, M7, F, E, M3 về D. Đồng ý giao cho bà C được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất còn lại gồm 1.171,4m² trong phạm vi các mốc M1, M2, A, C, E, F, M8, M9, M10, M11, M12 về M1 và 254,6m² trong phạm vi các mốc M4, M5, M6, N về M4. Đối với tài sản có trên đất thì phần đất mà ông Đ và bà T yêu cầu chia không có tài sản gì trên đất. Còn phần đất giao cho bà C thì có nhà của bà C và các con của bà C, cũng như cây trồng trên đất thì đồng ý giao cho bà C và các con của bà C tiếp tục quản lý nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số tiền xem xét, thẩm định và định giá thì ông Đ tự nguyện chịu đã nộp và chỉ xong.

Đối với số tiền bà C cho rằng đã trang sửa đất và cha mẹ có nợ Ngân hàng nên bà C đứng ra trả thì từ khi cha mẹ còn sống cho đến khi cha mẹ chết ông Đ và bà T không nghe ai nói cha mẹ có nợ Ngân hàng. Nếu cha mẹ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền thì giấy chứng nhận phải có Đ ký thế chấp nhưng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà C đang giữ không thể hiện có việc Đ ký thế chấp và bà C cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa nếu có nợ thì khi mẹ nhận được tiền bồi thường đất thì mẹ đã trả. Tuy nhiên, nếu sau này bà C chứng minh có việc cha mẹ vay tiền bà C trả nợ thay và có việc trang sửa đất với số tiền như bà C trình bày thì ông Đ và bà T đồng ý chia 03 số tiền này mỗi người trả một nửa, còn hiện tại thì không đồng ý theo như yêu cầu của bà C.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà C và ông Đ, bà T là con của cụ Nguyễn Thành D (chết năm 2002) và cụ Võ Thị Ch (chết năm 2011). Cụ D và Ch chỉ có 03 người con là ông Đ, bà C và bà T và ông Đ ngoài ra không còn có ai khác. Tài sản của cha mẹ để lại hiện nay là thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 3, diện tích qua đo đạc thực tế hiện nay còn 4.278,6m² mục đích sử dụng là đất lúa, đất tọa lạc tại xã Hội An Đông, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện nay cha là Nguyễn Thành D còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cha mẹ chết không để lại di chúc nhưng bà C là người đang quản lý sử dụng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính. Khi còn sống cha là Nguyễn Thành D có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 211a tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lập Vò để vay số tiền là 4.000.000đ. Sau khi cha chết thì không đóng lãi và trả vốn cho Ngân hàng nên số tiền vốn và lãi qua nhiều năm lên đến 14.800.000đ bà C phải trả nợ thay cho cha mẹ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Việc cho vay tiền Ngân hàng bà C không nhớ rõ là vay vào năm nào và bà C trả nợ cho Ngân hàng thay cho cha thì bà C không nhớ năm nào do trả đã quá lâu nhưng khi đó mẹ còn sống và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Diện tích đất của cha mẹ để lại trước đây khoảng 8.000m² khi xáng mức để làm thủy lợi, đê bao và làm đường nên diện tích đất còn lại theo giấy là 4.500m². Và khi xáng mức làm đất tràn vào còn khoảng 500m² là còn canh tác được, bà C phải bỏ tiền ra thuê người trang sửa đất lại nên đất mới được như ngày hôm nay. Số tiền và công sức bỏ ra là khoảng 25.000.000đ tương đương 40 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999. Năm 2008, Nhà nước bồi thường số tiền làm đê bao là 67.868.000đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Số tiền này lúc đó mẹ còn sống nên mẹ và bà C cùng ký tên nhận số tiền này. Sau khi nhận tiền thì mẹ là người giữ tiền để lo thuốc men khi nằm viện cho đến khi mất. Ông Đ và bà T đã có gia đình và ra ở riêng, từ 30 năm nay bà C sống cùng cha mẹ nên một mình bà C phải chăm sóc cha mẹ khi ở nhà cũng như khi nằm viện. Tiền bạc cũng chỉ một mình bà C lo, anh chị không có phụ tiền để nuôi cha mẹ. Gia đình bà C hiện nay còn 04 người con chỉ còn trong chờ vào diện tích đất do cha mẹ để lại để canh tác do đó bà C không đồng ý chia thừa kế diện tích đất trên theo như yêu cầu của ông Đ và bà T. Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo như yêu cầu của ông Đ và bà T thì yêu cầu ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền trang sửa đất là 40 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 và số tiền mà bà C đã trả nợ thay cho cha là 14.800.000đ.

Tại phiên tòa bà C trình bày trường hợp Tòa án xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật như ông Đ và bà T yêu cầu thì bà C cũng thống nhất. Tuy nhiên, bà C yêu cầu đối với phần đất mà bà C và các con đã cất nhà ở tại hai đầu đất thì giữ nguyên không chia mà giao cho gia đình bà C được tiếp tục quản lý sử dụng luôn. Bà C chỉ đồng ý chia phần diện tích đất trống ở giữa đất (phần đất dùng làm trồng rẫy) làm 03 phần mỗi người được hưởng một phần bằng nhau. Về vị trí đất được chia thì do Tòa án quyết định. Đối với yêu cầu ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền trang sửa đất là 40 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 và số tiền mà bà C đã trả nợ thay cho cha với số tiền khoảng 14 – 15 triệu đồng thì do bà C không có chứng cứ chứng minh nên bà C đã không làm thủ tục để khởi kiện theo như yêu cầu của tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M trình bày: Ông M là chồng của bà C hiện nay đang ở trong căn nhà có diện tích đất mà ông Đ và bà T đang tranh chấp thừa kế. Ông M thống nhất lời trình bày của bà C, ông M không có trình bày bổ sung gì thêm, cũng không có yêu cầu gì trong vụ kiện nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng D trình bày: Anh D là con ruột của bà C và ông M (lấy họ mẹ) hiện nay đang ở trong căn nhà trên diện tích đất mà ông Đ và bà T đang tranh chấp thừa kế. Việc tranh chấp giữa ông Đ, bà T với mẹ của anh D thì anh D không có ý kiến gì mà giao cho mẹ quyết định, đối với việc cất nhà trên đất nếu cha mẹ, di và cậu không cho ở lại trên đất nữa thì gia đình anh D sẽ tự nguyện di dời.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng S trình bày: Anh S là con ruột của bà C và ông M (lấy họ mẹ) hiện nay đang ở trong căn nhà trên diện tích đất mà ông Đ và bà T đang tranh chấp thừa kế. Việc tranh chấp giữa ông Đ, bà T với mẹ của anh Sang thì anh S không có ý kiến gì mà giao cho mẹ quyết định. Đối với việc gia đình anh S cất nhà trên đất nếu cha mẹ, di và cậu không cho ở lại trên đất nữa thì gia đình anh S sẽ tự nguyện di dời.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn M1 trình bày: Anh M1 là con ruột của bà C và ông M hiện nay đang ở trong căn nhà cùng với cha mẹ trên diện tích đất mà ông Đ và bà T đang tranh chấp thừa kế. Việc tranh chấp giữa ông Đ, bà T với mẹ của anh M1 thì anh M1 không có ý kiến gì mà giao cho mẹ quyết định. Đối với việc anh M1 đang ở cùng với cha mẹ trong căn nhà được cất trên diện tích đất tranh chấp nếu cha mẹ, di và cậu không cho ở lại trên đất nữa thì gia đình anh M1 sẽ tự nguyện di dời.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự trong vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

Về giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Đ và bà T yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 4.500m² (đo đạc thực tế là 4.278,6m²) thuộc thửa đất số 211a, tờ

bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thành D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất hiện nay bà Nguyễn Thị C đang quản lý sử dụng thành 03 phần gồm ông Đ, bà T và bà C mỗi người một phần. Xét thấy: Bà C thừa nhận thửa đất trên là tài sản chung của cha mẹ để lại hiện ông Nguyễn Thành D đứng tên là cha đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự đều xác định hàng thừa kế của ông D và bà Ch chỉ có bà C, ông Đ và bà T ngoài ra không còn ai khác. Ông D và bà Ch chết không để lại di chúc do đó yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 167 Luật đất đai, Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Chia di sản thừa kế là thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 3 diện tích 4.500m² (đo đạc thực tế là 4.278,6m²) do ông Nguyễn Thành D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản do cha mẹ để lại nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Ch, chị Trần Thị Ái L, anh Nguyễn Hùng D, chị Trần Thị Ngọc A, cháu Lê Khánh Đ có đơn xin vắng mặt. Còn ông Trần Văn M, anh Nguyễn Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất: Cụ Nguyễn Thành D và cụ Võ Thị Ch là vợ chồng có 03 người con gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C. Cụ Nguyễn Thành D chết vào ngày 18/11/2002 theo giấy trích lục khai tử số 2518/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã Hội An Đông cấp ngày 06/12/2021 và cụ Võ Thị Ch chết vào ngày 03/6/2011 theo giấy trích lục khai tử số 2541/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã Hội An Đông cấp ngày 13/12/2021. Cụ D và cụ Ch chết không để lại di chúc. Cụ D và cụ Ch không có con riêng, con nuôi nào khác, cha mẹ ruột cụ D và cụ Ch đã chết từ lâu và cụ D và cụ Ch không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D và cụ Ch tại thời điểm mở thừa kế là ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị C. Di sản thừa kế của cụ D và cụ Ch là thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.500m² (đo đạc thực tế là 4.278,6m²), mục đích sử dụng là đất lúa; địa chỉ thửa đất ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (nay là huyện Lấp Vò) cấp cho cụ Nguyễn Thành D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/1993. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

[2.2] Các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.500m² (đo đạc thực tế là 4.278,6m²), mục đích sử dụng là đất lúa; địa chỉ

thửa đất ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (nay là huyện Lập Vò) cấp cho cụ Nguyễn Thành D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/1993 là tài sản chung của cụ D và cụ Ch. Do cụ D và cụ Ch đã chết nên phần đất này là di sản thừa kế của cụ D và cụ Ch.

[2.3] Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ D và cụ Ch theo pháp luật. Còn phía bà C cũng đồng ý chia thừa kế theo pháp luật nhưng yêu cầu được chừa phần diện tích đất mà gia đình bà C đã cất nhà, còn lại bao nhiêu thì mới đồng ý chia làm 03 phần, mỗi người một phần. Xét thấy:

Do cụ D và cụ Ch chết không để lại di chúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự thì phần di sản của cụ D và cụ Ch sẽ được chia theo pháp luật. Ông Đ và bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D và cụ Ch ra làm 03 phần mỗi người được hưởng một phần bằng hiện vật là phù hợp theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự. Còn bà C thừa nhận rằng toàn bộ thửa đất số 211a là di sản của cụ D và cụ Ch nhưng bà Chương yêu cầu phải chừa phần diện tích đất mà gia đình bà C đã cất nhà ở, còn lại bao nhiêu mới đồng ý chia thừa kế là không phù hợp.

[2.4] Về vị trí đất được chia các đương sự đều thừa nhận trên thửa đất tranh chấp gia đình bà C có cất nhà ở hai đầu đất. Phía nguyên đơn đồng ý phần đất mà gia đình bà C đã cất nhà ở thì khi chia đất sẽ giao phần đất tại vị trí có nhà trên đất cho gia đình bà C quản lý sử dụng. Theo đó ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu được chia diện tích đất 1.426,2m² trong phạm vi các mốc M6, N, D, H về M6, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được chia diện tích đất 1.426,2m² trong phạm vi các mốc D, H, M7, F, E, M3 về D và phần diện tích đất còn lại thì giao cho bà Nguyễn Thị C được quyền quản lý, sử dụng trong phạm vi các mốc M6, M5, M4, N về M6 có diện tích là 254,6m² và trong phạm vi các mốc M1, M2, A, C, E, F, M8, M9, M10, M11, M12 về M1 là 1.171,4m². Còn phía bà C cũng thống nhất nếu chia thừa kế theo như yêu cầu của ông Đ và bà T thì thống nhất chia cho ông Đ và bà T tại phần diện tích đất trống không có nhà và tài sản của gia đình bà C. Xét thấy, phần đất tranh chấp đều giáp lộ nên việc chia đất theo vị trí mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp, đảm bảo việc sử dụng đất của các bên nên chấp nhận.

[2.5] Như vậy, Hội đồng xét xử quyết định chia thừa kế quyền sử dụng đất là di sản của cụ D và cụ Ch như sau: Chia cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.426,2m² trong phạm vi các mốc M6, N, D, H về M6, chia cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 1.426,2m² trong phạm vi các mốc D, H, M7, F, E, M3 về D và chia cho bà Nguyễn Thị C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 1.426m² trong phạm vi các mốc M6, M5, M4, N về M6 có diện tích là 254,6m² và trong phạm vi các mốc M1, M2, A, C, E, F, M8, M9, M10, M11, M12 về M1 là 1.171,4m².

[2.6] Về tài sản có trên đất các đương sự đều thừa nhận phần đất chia cho bà C được hưởng thì bà C và các con của bà C có cất nhà và trồng một số cây lâu năm trên đất nên thống nhất giao cho bà C tiếp tục sử dụng. Còn phần đất chia cho ông Đ và bà T thì là phần đất bà C trồng hoa màu, cây ngắn ngày, không có tài sản gì trên đất.

[2.7] Trong quá trình giải quyết vụ án bà C có trình bày: Khi cha mẹ còn sống có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lập Vò số tiền 4.000.000đ và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp và bà C phải trả thay số tiền vốn và lãi khoảng 14 đến 15 triệu (không nhớ số tiền cụ thể). Mặt khác khi Nhà nước làm đường đất tràn xuống ruộng bà C phải thuê người trang sửa lại đất hết số tiền là 25.000.000đ tương đương 40 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 nên bà C yêu cầu ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà C. Xét thấy đây là yêu cầu phản tố của bà C nên Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà C làm thủ tục và cung cấp chứng cứ để Tòa án thụ lý giải quyết trong cùng vụ án này nhưng bà C đã không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay bà C cho rằng do bà C không có chứng cứ chứng minh nên bà C đã không làm thủ tục để khởi kiện theo như yêu cầu của tòa án. Phía ông Đ và bà T cho rằng từ trước đến nay không nghe cha mẹ nói có vay tiền ngân hàng, hơn nữa nếu cha mẹ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền thì giấy chứng nhận phải có Đ ký thế chấp nhưng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà C đang giữ không có việc Đ ký thế chấp và bà C cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Tuy nhiên, nếu sau này bà C chứng minh có việc cha mẹ vay tiền bà C trả nợ thay và có việc trang sửa đất với số tiền như bà C trình bày thì ông Đ và bà T đồng ý chia 03 số tiền này mỗi người trả một nửa, còn tại thời điểm này không có chứng cứ chứng minh nên không đồng ý theo như lời trình bày của bà C. Như vậy, do bà C không có làm thủ tục để Tòa án thụ lý yêu cầu này của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bà C trong vụ kiện này. Trường hợp, bà C còn có yêu cầu ông Đ và bà T có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Don, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 5.199.500đ và chi phí định giá là 300.000đ, tổng cộng là 5.499.500đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng). Số tiền này ông Đ tự nguyện chịu toàn bộ đã nộp và chi xong. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Đ nên chấp nhận.

[5] Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T.

1.1. Chia cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 1.426,2m², mục đích sử dụng là đất lúa, trong phạm vi các mốc M6, N, D, H về M6 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/02/2023 của chi nhánh Văn phòng Đ ký đất đai huyện Lấp Vò, thuộc thửa đất thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (nay là huyện Lấp Vò) cấp cho cụ Nguyễn Thành D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/1993.

1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 1.426,2m², mục đích sử dụng là đất lúa, trong phạm vi các mốc D, H, M7, F, E, M3 về D theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/02/2023 của chi nhánh Văn phòng Đ ký đất đai huyện Lấp Vò, thuộc thửa đất thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (nay là huyện Lấp Vò) cấp cho cụ Nguyễn Thành D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/1993.

1.3. Chia cho bà Nguyễn Thị C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 254,6m² mục đích sử dụng là đất lúa trong phạm vi các mốc M6, M5, M4, N về M6 và diện tích đất 1.171,4m² mục đích sử dụng là đất lúa trong phạm vi các mốc M1, M2, A, C, E, F, M8, M9, M10, M11, M12 về M1 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/02/2023 của chi nhánh Văn phòng Đ ký đất đai huyện Lấp Vò, thuộc thửa đất thửa đất số 211a, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất ấp An Phú, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (nay là huyện Lấp Vò) cấp cho cụ Nguyễn Thành D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/1993.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp 09/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ ký đất đai huyện Lấp Vò).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đ đồng ý nộp toàn bộ số tiền xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá là 5.499.500đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng) Số tiền anh ông Đ đã nộp và chi xong.

4. Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội